

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/LĐ-ST
Ngày: 24-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Lợi.

Ông Trương Văn Xưa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Hữu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 29/**2024**/TLST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1990;

Địa chỉ: C Ấp X, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:**

1/ Nhà máy M - Công ty cổ phần Q.

Địa chỉ: B N, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 4 ấp B, xã L, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An.

Địa chỉ: H T tránh Quốc lộ A, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần S – Chức vụ: Giám đốc.

(Bà Mỹ L, đại diện theo pháp luật Công ty Q, bà T, đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội tỉnh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2024 và các lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ L trong hồ sơ có nội dung:

Tháng 01/2012, bà L có ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty TNHH F, địa chỉ: khu công nghiệp T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình làm việc, bà L có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp mã số BHXH 8212012035. Thời gian làm việc được 01 tháng thì bà L nghỉ việc.

Đến tháng 3/2012, bà L có ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q; Địa chỉ: số B N, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Trong quá trình làm việc, bà Mỹ L có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp số Bảo hiểm xã hội số 8012005796. Thời gian làm việc được 01 tháng thì bà L nghỉ việc.

Đến tháng 02/2013, bà L tiếp tục ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q; Địa chỉ: số B N, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Trong quá trình làm việc, bà Mỹ L có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp số Bảo hiểm xã hội số 8013002421. Thời gian làm việc đến tháng 7/2015 thì bà nghỉ việc.

Đến tháng 11/2015, bà Mỹ L tiếp tục ký kết và thực hiện hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn J; Địa chỉ: C H, phường T, thành phố T, tỉnh Long An và bà L tiếp tục tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc theo số Bảo hiểm xã hội số 8013002421. Thời gian làm việc đến tháng 3/2018 thì bà L nghỉ việc.

Đến tháng 6/2018, bà L tiếp tục ký kết và thực hiện Hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn T6; Địa chỉ: Lô F, khu F, Đường số A, cụm C, xã L, thành phố T, tỉnh Long An và bà L tiếp tục tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc theo số Bảo hiểm xã hội số 8013002421.

Đến tháng 02/2022, bà L chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn T6, Bảo hiểm xã hội tỉnh L đã tiến hành chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà L. Từ đó đến nay, bà L không làm việc tại đơn vị nào khác và không tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội.

Hiện nay, bà L đã nộp hồ sơ xin hưởng bảo hiểm xã hội một lần thì mới biết được vào thời điểm tháng 11/2011, bà Nguyễn Thị Thanh T là bạn của bà L khi đó chưa đủ tuổi lao động, có mượn và sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà L để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q (thời gian làm việc đến tháng 6/2012). Bà T được bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 8011042981 số Bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Mỹ L (nhưng người lao động thực tế là bà T), trong khi đó vào tháng 3/2012 thì bà L mới vào làm việc tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q.

Do được cấp cùng thời điểm hai mã số Sổ bảo hiểm xã hội nên cơ quan Bảo hiểm xã hội từ chối giải quyết hồ sơ xin hưởng bảo hiểm xã hội một lần của bà L.

Nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Thanh T đã dùng Giấy chứng minh nhân dân của bà để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q và tham gia bảo hiểm xã hội là không đúng khi ký kết hợp đồng lao động, đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố vô hiệu Hợp đồng lao động vào năm 2011 giữa Nhà máy M – Công ty cổ phần Q và bà Nguyễn Thị Mỹ L (nhưng người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Thanh T) và điều chỉnh lại Sổ bảo hiểm xã hội số 8011042981 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ L (người lao động thực tế là bà Nguyễn Thị Thanh T).

Ngày 29/11/2024, bà L có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn, Nhà máy M – Công ty cổ phần Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Nhà máy M – Công ty cổ phần Q đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Nhà máy M – Công ty cổ phần Q không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của Nhà máy M – Công ty cổ phần Q đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Phiên tòa hôm nay, Nhà máy M – Công ty cổ phần Q cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà T và bà Nguyễn Thị Mỹ L có quan hệ bạn bè nên vào tháng 11/2011, bà T có mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà L để lập hồ sơ xin việc, ký kết hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q. Trong quá trình làm việc, bà có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 8011042981 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L nhưng người lao động thực tế là bà. Thời gian làm việc đến tháng 6/2012 thì bà nghỉ việc.

Hiện nay bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu tòa án điều chỉnh sổ bảo hiểm số 8011042981 do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ L (lao động thực tế là bà T). Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, bà đồng ý và thống nhất với toàn bộ yêu cầu của bà L. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, do bận công việc nên bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:

Đối với trường hợp mượn hồ sơ của người khác để ký Hợp đồng lao động, Hợp đồng làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Tân An thực hiện Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thanh T (nhưng sử dụng chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Mỹ L) ký kết hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q, điều chỉnh lại sổ bảo hiểm xã hội cho phù hợp nhân thân thực tế của người lao động tham gia bảo hiểm xã hội và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng lao động” với bà Nguyễn Thị Thanh T, Nhà máy M – Công ty cổ phần Q có địa chỉ cư trú, địa chỉ trụ sở và nơi thực hiện hợp đồng lao động tại thành phố T nên căn cứ vào Điều 32; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L, Bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh T, Nhà máy M – Công ty cổ phần Q; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập các đương sự đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng Nhà máy M – Công ty cổ phần Q không chấp hành. Riêng bà L, bà T, đại diện Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng lao động đang tranh chấp: Do nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và Nhà máy M – Công ty cổ phần Q. Mặt khác, Nhà máy M – Công ty cổ phần Q cũng không hợp tác để cung cấp thêm thông tin có liên quan đến hợp đồng lao động giữa Nhà máy với bà T. Tuy nhiên, căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội số 8011042981 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L do Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp ngày 07/4/2012 xác định bà Nguyễn Thị Mỹ L giao kết hợp đồng lao động với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q vào tháng 11/2011. Dù hợp đồng lao động mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L nhưng thực tế thì bà L không có làm việc tại đây mà người làm việc tại đây là bà Nguyễn Thị Thanh T. Trong thời gian này, bà Nguyễn Thị Mỹ L đang làm việc tại Công ty TNHH F, địa chỉ: khu công nghiệp T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình làm việc, bà L có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp mã số BHXH 8212012035. Đến tháng 03/2012, bà L mới xin làm việc tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q và có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc và đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An cấp sổ Bảo hiểm xã hội số 8012005796. Bà T làm việc tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q đến tháng 6/2012 thì nghỉ việc. Bà L làm việc tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q đến tháng 5/2015 mới nghỉ việc. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng

03/2012 đến tháng 6/2012 thì tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q tồn tại 02 hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị Mỹ L sinh ngày 07/02/1990 với số Chứng minh nhân dân là 301440745.

[4] Bà Nguyễn Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị Thanh T đều thừa nhận quá trình bà T làm việc tại Nhà máy M – Công ty cổ phần Q, bà T đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà L để xác lập hợp đồng lao động từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2012. Như vậy, hợp đồng lao động được xác lập trong trường hợp này là hợp đồng lao động vô hiệu do không đảm bảo nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 17 và Điều 50 Bộ luật lao động.

[5] Hành vi dùng chứng minh nhân dân của người khác và hành vi cho người khác dùng giấy chứng minh nhân dân của mình để xác lập giao dịch đều là hành vi trái pháp luật, với lỗi cố ý. Do đó, hợp đồng lao động bị vô hiệu trong trường hợp này không phải do lỗi của Nhà máy M – Công ty cổ phần Q. Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa Nhà máy M – Công ty cổ phần Q và bà Nguyễn Thị Thanh T được ký kết vào tháng 11/2011.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L (thực tế làm việc là bà Nguyễn Thị Thanh T) được ký kết với Nhà máy M – Công ty cổ phần Q vào khoảng thời gian tháng 11/2011 nên Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp sổ bảo hiểm xã hội số sổ: 8011042981 mang tên Nguyễn Thị Mỹ L là phù hợp quy định. Tuy nhiên, do hợp đồng lao động bị vô hiệu nhưng người lao động thực tế vẫn tham gia bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải điều chỉnh thông tin về nhân thân trong sổ bảo hiểm theo quá trình thực tế tham gia bảo hiểm của người lao động thì mới đảm bảo quyền lợi cho người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc điều chỉnh nhân thân trong Sổ bảo hiểm xã hội số 8011042981.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện chịu án phí lao động nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà L chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 17; Điều 50 Bộ luật lao động năm 2012; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Thanh T (nhưng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ L) và Nhà máy M – Công ty cổ phần Q.

Tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Thị Thanh T (nhưng sử dụng giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Mỹ L) và Nhà máy M – Công ty cổ phần Q vô hiệu.

2. Điều chỉnh nội dung các thông tin về nhân thân của bà Nguyễn Thị Mỹ L ghi trong Sổ bảo hiểm xã hội số sổ 8011042981 ngày 07 tháng 4 năm 2012 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành thông tin về nhân thân của bà Nguyễn Thị Thanh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ tiền án phí lao động sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000853 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An, bà L đã nộp xong.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh